

Bản án số: 07 / 2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 29 / 6/ 2023.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hà Giang và bà Bùi Thị Hà.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Cường – Thẩm tra viên

Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc: Ly hôn và tranh chấp về con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Q, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Lê Đức T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Đinh Thị Q; vắng mặt anh Lê Đức T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Q trình bày: Chị và anh Lê Đức T được tự do tìm hiểu được hơn một năm, sau đó anh chị tự nguyện kết hôn với nhau. Chị và anh T đã đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2005. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi cưới chị và anh T về chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T, tại thôn P, xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 8/2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và trở nên căng thẳng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp và không có con chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã đánh chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, nhưng vợ chồng không cải thiện được, nên vợ chồng vẫn thường xuyên cãi chửi nhau, đến tháng 8/2022 anh T chửi và có vài lần đánh chị, nên chị đã

bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị để sinh sống kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian này chị và anh T không liên lạc, không gặp nhau, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Khi chị làm đơn ly hôn chị có chủ động đến gặp anh T trao đổi việc ly hôn thì anh T nói cứ làm đơn để anh T ký ly hôn. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T.

Về con chung: Chị và anh Lê Đức T, do không sinh được con chung nên chị và anh T thống nhất, xin con nuôi, tên cháu là Lê Đình Hà L, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015, hiện cháu đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu Tòa án giao cháu Linh cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu anh Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Linh cho chị, mặc dù chị đã được nghe Tòa án giải thích về quyền lợi của con khi bố mẹ ly hôn, song chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu nên chị không yêu cầu; về con riêng chị và anh T không ai có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Lê Đức T cho đến nay không có tài sản và công nợ, nên nay ly hôn chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai anh Lê Đức T là bị đơn trình bày: Anh và chị Đinh Thị Q được tự do tìm hiểu nhau, trong thời gian hơn một năm và tự nguyện kết hôn với nhau. Anh chị có đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2005. Sau đó tổ chức cưới, sau khi cưới anh và chị Q về chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh, vợ chồng chúng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau và lý do không có con chung, nên chị Q ức chế hay cãi và chửi anh, từ đó vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, chanh cãi chửi nhau, cho đến tháng 8 năm 2022 thì chị Q tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, kể từ đó cho đến nay và không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa, nay chị Q có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm giữa anh và chị Q không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị Đinh Thị Q.

Về con chung: Anh và chị Q cho đến nay không có con chung, vợ chồng có xin một con nuôi, tên cháu là Lê Đình Hà L, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 hiện cháu đang do chị Q nuôi dưỡng, nay ly hôn anh nhất trí và yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Đình Hà L cho chị Đinh Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L cho chị Q, anh nhất trí, về con riêng anh và chị Q không ai có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị Q không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Q, xử cho ly hôn với anh Lê Đức T. Về con: Giao cháu Lê Đình Hà L, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho chị Đinh Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L cho chị Q và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung. Về tài sản chị Q và anh T không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị Đinh Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đinh Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Đức T, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Lê Đức T vắng mặt vì lý do anh có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đinh Thị Q và anh Lê Đức T đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, sau đó anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2005 tại xã K, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do tính tình không hợp và chị Q, anh T không sinh được con chung, nên dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau. Do chung sống không có hạnh phúc nên chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 8/2022 và vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho đến nay, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tại bản tự khai anh T nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của chị Q. Về hôn nhân: Anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị Q. Về con: Anh nhất trí giao cháu L cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q anh nhất trí. Về tài sản không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị Q và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về con chung:** Chị Q và anh T đều thống nhất: Giao cháu Lê Đình Hà L, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho chị Đinh Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L cho chị Q và có

quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, về con riêng không ai có nên chị Q và anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Chị Q và anh T đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Đinh Thị Q là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Q về việc “ Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn” đối với anh Lê Đức T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Q được ly hôn anh Lê Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đình Hà L, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho chị Đinh Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Lê Đức T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L cho chị Đinh Thị Q và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đinh Thị Q và anh Lê Đức T đều không có yêu cầu giải quyết tài sản. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005678 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung